| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO**<br>**TẠI HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **62**/2023/QĐ-PT | *Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2023.* |

# QUYẾT ĐỊNH
# ĐÌNH CHỈ XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hải Thanh.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo như sau:

- Ngày 26/7/2020, bị đơn: Bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; ngày 24/8/2020, bà T tiếp tục có đơn kháng cáo *(sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo sau khi nhận được bản án sơ thẩm)*;

## XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 09 tháng 8 năm 2023, bà Nguyễn Thị T đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị T rút toàn bộ kháng cáo, việc rút kháng cáo của bà T là hoàn toàn tự nguyện và không ảnh hưởng tới quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự khác trong vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ việc xét xử phúc thẩm vụ án.

Căn cứ: Khoản 5 điều 308, Điều 312, khoản 2 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 01/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc: "Tranh chấp chia thừa kế", giữa:

***- Nguyên đơn:***

1. Bà Nguyễn Mộng Đ, sinh năm 1952; địa chỉ: P, nhà D, Tập thể trường T36 Bộ C9, tổ E phường T, quận C, Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà* Đ: Bà Dương Thị Thu P (tên gọi khác: Dương Vũ Khánh L), sinh năm 1945; địa chỉ: Số D, ngách A, ngõ A T, tổ E phường N, quận C, thành phố Hà Nội.

2. Ông Nguyễn Quân B, sinh năm 1951; HKTT: Số A Đ, quận B, thành phố Hà Nội; địa chỉ hiện nay: Số F, ngách A, ngõ C, Đê L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

3. Ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1954; địa chỉ: P tập thể Thành ủy H, ngõ I N, quận Đ, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông* Nguyễn Quân B, Nguyễn Hoàng S*:* Bà Nguyễn Mộng Đ.

***- Bị đơn:***

1. Cụ Lê Thị M, sinh năm 1925.

2. Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1966 (đã chết);

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông* H*:*

+ Chị Hà Thị Đ1, sinh năm 1969, địa chỉ: Xóm B thôn K, thị trấn K, huyện T, thành phố Hà Nội *(vợ anh* H*)*;

+ Cháu Nguyễn Thị T1, sinh năm 1990, địa chỉ: Xóm D, thôn K, thị trấn K, huyện T, thành phố Hà Nội *(con anh* H*);*

+ Cháu Nguyễn Thị N, sinh năm 1992, địa chỉ: Xóm E, thôn K, xã K, huyện T, thành phố Hà Nội *(con anh* H*)*;

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953; địa chỉ: Xóm B, thôn K, thị trấn K, huyện T, thành phố Hà Nội.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Nguyễn Đình T2, sinh năm 1962;

2. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1967 *(vợ ông* T2 *và là người giám hộ cho ông* T2*)*;

3. Cháu Nguyễn Thị C, sinh năm 1999 (*con ông* T2*);*

4. Chị Hà Thị Đ1 , sinh năm 1969, địa chỉ: Xóm B thôn K, thị trấn K, huyện T, thành phố Hà Nội *(vợ anh* H*);*

5. Cháu Nguyễn Thị T1, sinh năm 1990, địa chỉ: Xóm D, thôn K, thị trấn K, huyện T, thành phố Hà Nội *(con anh* H*);*

6. Cháu Nguyễn Thị N, sinh năm 1992, địa chỉ: Xóm E, thôn K, xã K, huyện T, thành phố Hà Nội *(con anh* H*)*;

7. Ông Nguyễn Đình T3 (Bá T4), sinh năm 1951;

8. Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1963 *(đã chết năm 2016);*

9. Ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1957;

10. Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1960 *(vợ ông* Q*);*

Cùng địa chỉ: Xóm D, thôn K, thị trấn K, T, Hà Nội

11. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1964; địa chỉ: Số A, tổ C, thị trấn K, huyện T, thành phố Hà Nội

12. Bà Nguyễn Thị C1 *(vợ ông* Chu Đình N2*);*

13. Chị Nguyễn Thị H2;

14. Chị Nguyễn Thị N3;

15. Anh Nguyễn Đình P2;

16. Anh Nguyễn Đình B1;

17. Chị Nguyễn Thị T6;

18. Anh Nguyễn Đình C2;

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện T, thành phố Hà Nội.

19. Ông Trần Văn Đ2, sinh năm 1945; địa chỉ: Xóm B, Đ thị trấn K, huyện T, thành phố Hà Nội.

20. Ông Chu Bá S1, sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm B, thôn K, thị trấn K, huyện T, thành phố Hà Nội;

21. Bà Nguyễn Thị T7, sinh năm 1954 *(vợ ông* S1*);*

22. Anh Chu Bá C3, sinh năm 1981 *(con ông* S1*);*

23. Chị Đào Thị T8, sinh năm 1981 *(vợ anh* C3*);*

24. Cháu Chu Hải Y, sinh năm 2007 *(con anh* C3*);*

25. Cháu Chu Thị Ngọc C4 , sinh năm 2011 *(con anh* C3*).*

** Người đại diện theo pháp luật của cháu* Y*, cháu* C4*:* Anh Chu Bá C3, chị Đào Thị T8

26. Anh Chu Bá C5, sinh năm 1981 *(con ông* S1*);*

27. Chị Phạm Hồng G, sinh năm 1983 *(vợ anh* C5*).*

28. Cháu Chu Bá D, sinh năm 2011 *(con anh* C5*).*

29. Cháu Chu Hoài T9, sinh năm 2013 *(con anh* C5*).*

** Đại diện theo pháp luật của cháu* D*, cháu* T9*:* Anh Chu Bá C5, chị Phạm Hồng G. Cùng địa chỉ: Số C, đội F, xóm B, đường N, thị trấn K, huyện T, thành phố Hà Nội.

30. Bà Chu Thị N4, sinh năm 1954; địa chỉ: Đ, thôn K, thị trấn K, huyện T, thành phố Hà Nội.

31. Anh Chu Bá B2, sinh năm 1986; địa chỉ: Đ, thôn K, thị trấn K, huyện T, thành phố Hà Nội;

32. Bà Chu Thị Đ3, sinh năm 1970; địa chỉ: Đ, thôn K, thị trấn K, huyện T, thành phố Hà Nội;

33. Ông Chu Bá L1, sinh năm 1972; địa chỉ: Đ, thôn K, thị trấn K, huyện T, thành phố Hà Nội;

34. Ông Nguyễn Đức Đ4, sinh năm 1967; địa chỉ: Số A H, quận H, thành phố Hà Nội;

35. Bà Nguyễn Kim T10, sinh năm 1956; địa chỉ: Số B H, quận H, thành phố Hà Nội;

36. Ông Nguyễn Tuấn C6, sinh năm 1968; địa chỉ: Số G H, quận H, thành phố Hà Nội;

37. Ông Nguyễn T11, sinh năm 1932; địa chỉ: Số A H, quận H, thành phố Hà Nội;

38. Bà Phạm Thị L2, sinh năm 1934; địa chỉ: Số G H, quận H, thành phố Hà Nội;

39. Bà Trần Thị T12, sinh năm 1944; địa chỉ: Số A đường Đ, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng;

40. Bà Trương Thị C7; địa chỉ: Đ, xóm B thôn K, thị trấn K, huyện T, thành phố Hà Nội;

*- Người đại diện theo ủy quyền của: Ông S1, anh B2, bà Đ3, ông L1, ông Đ4, bà T10, ông C6, ông T11, bà L2, bà T12, bà C7:* Ông Trần Văn Đ2.

41. Bà Trần Thị Í; địa chỉ: Đ, xóm B, thôn K, thị trấn K, huyện T, thành phố Hà Nội

42. Bà Nguyễn Thị Kiều L3, sinh năm 1957; hộ chiếu số 204-138-308; Địa chỉ: C. UNITED STATES OF AMERICA.

43. Bà Nguyễn Kiều V, sinh năm 1958; địa chỉ: Số C, Ngõ V, quận Đ, Hà Nội;

44. Bà Nguyễn Lý Lệ H3, sinh năm 1962; địa chỉ: Số C, ngõ V, quận Đ, Hà Nội;

45. Chị Nguyễn Phương T13, sinh năm 1982; địa chỉ: Số E, ngõ A, phố H, quận H, thành phố Hà Nội;

46. Bà Nguyễn Thị C8, sinh năm 1940; địa chỉ: Số A - A khu tập thể C, tổ dân phố số H, phường M, quận C, thành phố Hà Nội;

47. Bà Nguyễn Thị L4, sinh năm 1953; địa chỉ: Số A L, phường G, quận C, thành phố Hồ Chí Minh;

48. Ông Nguyễn Văn N5, sinh năm 1942; địa chỉ: Số B đường T, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam;

49. Ông Nguyễn Đình V1, sinh năm 1942; địa chỉ: Số A đường L, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh;

50. Bà Nguyễn Thị T14, sinh năm 1946; địa chỉ: A+18 nhà Đ, tập thể B, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội;

51. Anh Trần Tú A, sinh năm 1974 *(cùng địa chỉ với bà T14);*

52. Chị Nguyễn Thị Mỹ H4; địa chỉ: D T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội ;

53. Chị Nguyễn Thị Thu H5; địa chỉ: P, tầng D CC C D, quận T, thành phố Hồ Chí Minh;

54. Ông Nguyễn Văn N5; địa chỉ: Đường T, xóm T, thôn M, xã M, thành phố N, tỉnh Nam Định;

55. Ông Nguyễn Đình V1, sinh năm 1942; địa chỉ: 8 D L, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh;

56. Bà Nguyễn Thị L4, sinh năm 1953; địa chỉ:1 Đà Nẵng, phường L, quận N, Hải Phòng;

57. Chị Nguyễn Thị T15; hiện sinh sống ở UNITED STATES OF AMERICA;

58. Chị Nguyễn Thị Ngọc O; hiện sinh sống ở UNITED STATES OF AMERICA;

59. Chị Nguyễn Thị H6; hiện sinh sống ở UNITED STATES OF AMERICA;

60. Anh Nguyễn Huy H7, sinh 1960; hiện sinh sống ở UNITED STATES OF AMERICA;

61. Chị Nguyễn Thị Hồng N6, sinh 1959; địa chỉ: A Đ, phường T, thành phố Hồ Chí Minh;

62. Anh Nguyễn Hoàng H8, sinh 1965; địa chỉ: A Đ, phường T, thành phố Hồ Chí Minh;

63. Anh Nguyễn Quang H9, sinh 1956; địa chỉ: Quận G, thành phố Hồ Chí Minh;

64. Chị Nguyễn Thị H5, sinh 1959; địa chỉ: 1 L, quận C, thành phố Hồ Chí Minh;

*- Người đại diện theo ủy quyền của bà L3, bà V, bà H3, chị T13, bà C8, bà L4, ông N5, ông V1, bà T14, anh Tú A, chị H4, chị H5, ông N5, ông V1, bà L4, chị T15, chị O, chị H6, anh H7, chị N6, anh H8, anh H9, chị H5: Bà Nguyễn Mộng Đ.*

**2.** Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định này.

**3**. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị T.

***Nơi nhận***:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *Cục THADS TP Hà Nội;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(Đã ký)**

**Nguyễn Hải Thanh**